5. Ban phụ trách thu thuế, thu nợ, mua thóc ở huyện và xã cần được chấn chỉnh gấp và thật sự hoạt động, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và Ủy ban Hành chính địa phương. Trong Ban, cần phân công ủy viên phụ trách từng việc, nhưng toàn Ban phải sinh hoạt đều để kiểm điểm thường kỳ, bàn kế hoạch phối hợp các mặt, bổ khuyết kịp thời những thiếu sót trong từng thời gian.

6. Cho đến nay nhiều địa phương chưa gửi đều báo cáo cho Thủ tướng phủ và Bộ Nội thương về tình hình tiến hành công tác thu thuế, thu nợ, mua thóc để giúp Trung ương theo sát tình hình và chỉ đạo công tác kịp thời. Vậy nhắc các tỉnh phải chấp hành đúng *chế độ báo cáo theo quy định 10 ngày một lần điện báo*; kết quả sau mỗi đợt phải có báo cáo đầy đủ.

Tóm lại, từ nay đến tết là thời gian tập trung tiến hành cống tác lương thực kết hợp chặt chẽ với củng cố hợp tác xã và đẩy mạnh sản xuất đông xuân. Các Ủy ban Hành chính địa phương cần tập trung lực lượng, hết sức cố gắng thi hành những biện pháp trên đây.

Hà nội, ngày 19 tháng 12 năm 1959

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

LIÊN BỘ

GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN — CÔNG AN — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 20-TKV ngày 12-12-1959 về việc áp dụng chế độ gửi thư, đi xe lửa, qua phà, qua bến đối với Công an nhân dân vũ trang.

Thi hành điều 4 nghị định 100-TTg ngày 3-3-1959 của Thủ tướng phủ về chế độ đối với công an nhân dân vũ trang.

Sau khi thống nhất ý kiến, Liên bộ Giao thông và Bưu điện, Công an, Tài chính quy định chế độ gửi thư, đi xe lửa, qua phà và qua bến đối với Công an nhân dân vũ trang như sau:

1. Về bưu phí, áp dụng chế độ gửi thư của Quân đội nhân dân cho Công an nhân dân vũ trang. Công an nhân dân vũ trang tạm thời vẫn sử dụng loại tem Binh sĩ. Từ nay đến hết năm 1959, Công an nhân dân vũ trang tiếp tục nhận tem ở Bộ Quốc phòng, nhưng từ năm 1960 Công an nhân dân vũ trang sẽ trực tiếp nhận tem ở Bưu điện và thanh toán theo thể thức đã áp dụng đối với Quân đội nhân dân Việt nam.

2. Trong khi chờ đợi thi hành quyết định của Hội nghị Thủ tướng phủ ngày 5-3-1958 về chế độ đi xe lửa cho Quân đội nhân dân Việt nam tạm thời áp dụng chế độ miễn giảm tiền vé xe lửa cho Công an nhân dân vũ trang như chế độ hiện hành đối với Quân đội nhân dân.

3. Qua phà qua bến, áp dụng chế độ đối với Công an nhân dân vũ trang như đối với Quân đội nhân dân: người qua phà và qua bến không phải trả tiền, xe của Công an nhân dân vũ trang không phải trả tiền phí tổn sửa đường.

***

Để tránh tình trạng những chế độ này không được thi hành đúng lúc với việc Công an nhân dân vũ trang mang chứng minh thư Công an nhân dân vũ trang và đeo phù hiệu của Công an nhân dân vũ trang, gây khó khăn trở ngại trong việc đi lại của Công an nhân dân vũ trang, các Tổng cục đường sắt, Thủy bộ và Bưu điện cần phổ biến cho các cấp các đơn vị thuộc ngành mình biết để thi hành cho đúng và kịp thời trong tháng 12-1959.

Ngày 12 tháng 12 năm 1959

K.T. Bộ trưởng	Bộ trưởng	K.T. Bộ trưởng
Bộ Giao thông	Bộ Công an	Bộ Tài chính
và Bưu điện	TRẦN QUỐC HOÀN	*Thứ trưởng*
Thứ trưởng		TRỊNH VĂN BÍNH
NGUYỄN HỮU MAI		

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số: 7704-CB/LTC ngày 14-12-1959 hướng dẫn thi hành chế độ thù lao cho cán bộ xã.

Kính gửi: *Ủy ban Hành chính các thành phố, khu Tự trị,*
Ủy ban Hành chính các tỉnh.

Để thi hành thông tư số 404-TTg ngày 11-11-1959 của Thủ tướng phủ về việc bổ sung chế độ thù lao cho cán bộ xã, Bộ hướng dẫn và giải thích thêm một số điểm dưới đây:

1. Số người được hưởng thù lao ở mỗi xã:

Dựa vào đặc điểm của từng miền khác nhau, thông tư số 404-TTg ngày 11-11-1959 của Thủ tướng phủ quy định mỗi xã được cấp từ 3 đến 4 người hưởng cả suất và từ 8 đến 10 người hưởng nửa suất thù lao.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

a) Xã đồng bằng và trung du được cấp 126đ, tức là:

— cấp cho 4 người cả suất: 14đ00,
— cấp cho 10 người nửa suất: 7đ00.

b) Xã miền núi rẻo thấp được cấp 120đ, tức là:

— cấp cho 4 người cả suất: 15đ00,
— cấp cho 8 người nửa suất: 7đ50.

c) Xã miền núi rẻo cao được cấp 112đ, tức là:

— cấp cho 3 người cả suất: 16đ00
— cấp cho 8 người nửa suất: 8đ00

2. Cách phân phối:

Để việc phân phối trợ cấp thù lao được tốt cần xác định cụ thể đối tượng:

1. Ở các chi bộ xã chưa chia thì đối tượng là bí thư, phó bí thư và chi ủy viên, nơi đã chia chi bộ nhỏ thì đối tượng được xét là bí thư, phó bí thư, và đảng ủy viên của Đảng ủy xã; bí thư, phó bí thư, chi ủy viên chi bộ nhỏ không phải là đối tượng xét.

2. Đối tượng được xét cấp thù lao gồm bí thư, phó bí thư, chi ủy viên, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Ủy ban Hành chính xã, trưởng phó ngành, trưởng phó ban, thư ký văn phòng Ủy ban Hành chính xã, Ban Thường vụ các đoàn thể xã, nhưng khi xét cấp thù lao thì phải xét những cán bộ giữ một hay nhiều chức vụ trong các chức vụ đã nêu trên nhưng phải thực sự hoạt động và thoát ly sản xuất. Trường hợp cán bộ nào tuy có giữ một trong những chức vụ ấy nhưng không thực sự hoạt động và thoát ly sản xuất thì không được xét cấp thù lao.

3. Thư ký văn phòng Ủy ban Hành chính xã được xét cấp thù lao bằng nửa định suất. Điều quy định này khác với trước vì xét cương vị trách nhiệm và tính chất công tác của thư ký văn phòng khác với các cán bộ chủ chốt. Tuy nhiên, nếu xã nào đã thù lao cho thư ký Văn phòng nhiều hơn nửa định suất mới này, thì Ủy ban Hành chính tỉnh sẽ tùy tình hình mà quyết định.

4. Trường hợp làm việc theo chế độ phân công luân phiên thì người thay thế được hưởng thù lao trong thời gian thay thế. Trường hợp này chỉ áp dụng cho những người thay thế chưa được hưởng thù lao, nếu người thay thế đang hưởng thù lao thì không được hưởng thêm nữa.

5. Ủy ban Hành chính cần đảm bảo trợ cấp cả định suất hay nửa định suất cho cán bộ được trợ cấp thù lao. Việc quy định như vậy, là để tránh tình trạng chia đều, chia nhỏ, mỗi người một ít hoặc tập trung thù lao để sử dụng trong các hội nghị như trước đây vì làm như thế giảm ý nghĩa và tác dụng thực tế của chế độ thù lao.

6. Mỗi tỉnh tùy theo miền đồng bằng, trung du, miền núi, căn cứ số lượng xã của tỉnh sau khi phân loại mà dự trù số tiền thù lao cho cán bộ xã của tỉnh mình. Khi phân phối cho các xã, có xã không cần đến cả số suất quy định trong thông tư số 404-TTg ngày 11-11-1959 của Thủ tướng phủ hoặc có xã cần tăng thêm số suất cần thiết mới đảm bảo việc phân phối thù lao được tốt, thì tỉnh tùy tình hình cụ thể mà quyết định, nhưng nhất thiết không được vượt số tiền dự trù chung cho tỉnh.

7. Những xã ven biển coi như xã đồng bằng, những thị trấn coi như đơn vị xã mà xét cấp thù lao.

3. Kế hoạch tiến hành:

Để việc thi hành chế độ thù lao mới đạt được yêu cầu thì một mặt các cấp cần nhận thức đầy đủ ý nghĩa của chế độ thù lao, mặt khác cần bố trí kế hoạch thực hiện cho sát với đặc điểm các xã trong mỗi địa phương; sau đây là trách nhiệm cụ thể của Ủy ban Hành chính các cấp:

1. Ủy ban Hành chính các khu, tỉnh và thành phố:

Mở hội nghị với Ủy ban Hành chính huyện, thị xã, châu, quận và các ngành có liên quan nghiên cứu chính sách và các chế độ đối với cán bộ xã, kiểm điểm rút kinh nghiệm về thực hiện chính sách và các chế độ đã ban hành từ trước tới nay, để nhận rõ ý nghĩa mục đích của chính sách và các chế độ, nhằm thực hiện tốt chế độ bổ sung về thù lao và các chế độ khác đã có. Trong hội nghị này sẽ thảo luận nguyên tắc và dự kiến phân loại xã đồng bằng, rẻo thấp, rẻo cao, số người được hưởng cả định suất, nửa định suất ở mỗi loại xã... và vạch kế hoạch cụ thể từng bước thực hiện, phân công trách nhiệm cho huyện, xã đồng thời định lịch tiến hành để đảm bảo tháng 1-1960, cán bộ xã được hưởng chế độ thù lao mới.

Ủy ban Hành chính khu, tỉnh, thành phố trong hội nghị này có thể báo cáo dự kiến chọn 1, 2 xã làm trọng điểm rút kinh nghiệm, để phổ biến kịp thời cho các xã trong địa phương về mặt chọn đối tượng, quy định số người được hưởng cả suất, nửa suất v.v...

2. Ủy ban Hành chính các huyện, châu, quận:

Dựa vào kế hoạch của tỉnh, thành, khu mở hội nghị với Ủy ban Hành chính xã nghiên cứu chính sách và các chế độ đối với cán bộ xã nhằm yêu cầu như hội nghị tỉnh, khu, thành đã làm xong, đi sâu kế hoạch giải quyết tư tưởng so bì tỵ nạnh, ngại khó, ngại khổ, cảm tình cá nhân và vạch kế hoạch cho xã làm dự kiến đề nghị các loại xã rẻo cao, thấp, đồng bằng, số suất được hưởng ở mỗi loại xã... đối tượng được cấp cả định suất, đối tượng được cấp nửa định suất hàng tháng. Ngoài ra huyện cũng vạch kế hoạch cho xã tiến hành phổ biến và học tập cho cán bộ và nhân dân trong xã nhằm làm cho cán bộ và nhân dân thấy trách nhiệm của mình hơn nữa đối với cán bộ xã và làm cho cán bộ xã càng ra sức tích cực công tác để xứng đáng với sự đãi thọ của nhân dân, Đảng và Chính phủ.

4. Thời gian thi hành:

Thông tư số 404-TTg ngày 11-11-1959 của Thủ tướng phủ quy định thi hành trợ cấp thù lao mới kể từ 1-1-1960. Các Ủy ban Hành chính các cấp cần

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

chuẩn bị đầy đủ và kịp thời để đầu năm 1960 cán bộ xã được hưởng, không nên làm chậm ảnh hưởng đến tư tưởng và công tác của cán bộ xã.

5. Vấn đề báo cáo:

Sau khi phổ biến chính sách và định kế hoạch tiến hành, các Ủy ban Hành chính khu, tỉnh, thành phố cần báo cáo cho Bộ biết kết quả, chú ý phần mắc mứu khó khăn và đề nghị cách giải quyết.

Sau khi hoàn thành các khu, tỉnh, thành cần tổng kết và báo cáo Bộ kết quả chung theo yêu cầu và nội dung cụ thể của chính sách và chế độ và đề nghị xây dựng bổ sung chính sách, chế độ.

Hà nội ngày 14 tháng 12 năm 1959

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

BỘ NỘI THƯƠNG

CHỈ THỊ số 993-NT/TNTD ngày 12-12-1959 về việc quản lý và tiến tới thống nhất đo lường trong ngành thương nghiệp.

I. TÌNH HÌNH DỤNG CỤ ĐO LƯỜNG

Ở nước ta, từ lâu, hệ thống đo lường theo mét thập phân quốc tế đã được áp dụng song song với hệ thống đo lường cổ truyền.

Từ tháng 1 năm 1950 Chính phủ đã ban hành sắc lệnh số 8-SL chính thức công bố thống nhất chế độ đo lường theo hệ thống mét quốc tế.

Mặc dù dụng cụ đo lường làm theo quy cách quốc tế đã được sử dụng một cách phổ biến trong giao dịch của thương nghiệp tư doanh cũng như của quốc doanh, hiện nay tình hình đo lường vẫn phức tạp, dụng cụ khá sai lệch:

Trong tư doanh, hầu hết dụng cụ đều non, có nơi dùng thanh sắt, hòn đá để làm quả cân. Trong quốc doanh, dụng cụ cái thì già, cái thì non và không biết thế nào là sai là đúng. Mức độ nhậy của cân quá thấp.

Nguyên nhân là tư thương lợi dụng việc không có cơ quan quản lý đo lường dùng mọi thủ đoạn để gian lậu về đo lường. Dụng cụ của quốc doanh thì do bảo quản kém; riêng đối với cân nội thì còn do kỹ thuật sản xuất và phẩm chất nguyên liệu kém. Ta cũng chưa có cơ quan phụ trách quản lý đo lường đồng thời chưa có dụng cụ mẫu thống nhất pháp định.

Tình trạng trên gây nhiều tác hại: người sản xuất lẫn người tiêu thụ bị thương nhân bóc lột bằng đo lường gian dối, giá cả thị trường không ổn định. Tư thương còn thu nhiều lợi nhuận ảnh hưởng không tốt đến việc cải tạo theo đường lối xã hội chủ nghĩa. Đối với thương nghiệp quốc doanh thì tài sản Nhà nước bị thiệt hại, nhân dân kêu ca, giao dịch bị trở ngại.

Do đó, việc thống nhất đo lường toàn diện trong toàn dân là cần thiết, có liên quan đến nhiều ngành phải do Thủ tướng phủ phụ trách và phải thực hiện dần dần, không thể làm hết cả ngay một lúc.

II. CHỦ TRƯƠNG

Hiện nay về thương nghiệp do yêu cầu phát triển thương nghiệp quốc doanh, quản lý thị trường và nhiệm vụ cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, Bộ chủ trương:

1. Thương nghiệp quốc doanh phải điều chỉnh, hạn chế bớt mức sai lệch và dần dần thống nhất dụng cụ đo lường trong ngành mình và gương mẫu trong vấn đề đo lường đúng.

2. Quản lý việc đo lường và dụng cụ đo lường của thương nghiệp tư doanh.

3. Xây dựng cơ sở quốc doanh sản xuất và sửa chữa dụng cụ đo lường và quản lý các cơ sở sản xuất và sửa chữa dụng cụ đo lường của tư doanh.

Việc thực hiện chủ trương này phải làm từng bước vững chắc từ trong thương nghiệp quốc doanh ra ngoài thương nghiệp tư doanh, từ thành thị đến nông thôn, từ dụng cụ thông thường đến dụng cụ phức tạp.

III. BIỆN PHÁP

1. Tổ chức:

Để thực hiện chủ trương trên cần xây dựng một tổ chức từ Bộ đến Sở, Ty và trang bị cho tổ chức này những dụng cụ mẫu thống nhất pháp định và những dụng cụ cần thiết cho công tác kiểm nghiệm.

a) Ở Bộ tổ chức một phòng phụ trách công tác đo lường gồm 7 cán bộ và trang bị dụng cụ mẫu thống nhất pháp định và dụng cụ cần thiết cho công tác điều chỉnh mẫu cho các địa phương (nằm trong Vụ Quản lý thương nghiệp).

Phòng này có nhiệm vụ giúp Bộ:

— Nghiên cứu các biện pháp về quản lý đo lường,

— Nghiên cứu và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất,

— Hướng dẫn bảo quản tốt và kiểm nghiệm dụng cụ đo lường,

— Đào tạo cán bộ làm công tác đo lường cho địa phương,

— Bảo quản dụng cụ mẫu thống nhất pháp định của Bộ.

— Thường xuyên kiểm tra công tác đo lường của địa phương,

— Điều chỉnh dụng cụ mẫu cho địa phương.

b) Ở địa phương mỗi Sở, Ty tùy theo khối lượng công tác nhiều hay ít, cần tổ chức một phòng hoặc một tổ nằm trong Phòng quản lý công thương, phụ trách công tác đo lường có từ 2 đến 5 cán bộ, (Riêng Hà nội có 9 cán bộ) và trang bị đủ dụng cụ mẫu thống nhất pháp định và dụng cụ cần thiết cho công tác kiểm nghiệm.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com